







BẢNG GIÁ CÔNG BỐ PHỤ KIỆN PVC-U HOA SEN

Khu vực áp dụng: Từ Quảng Trị trở vào Nam
(Hiệu lực áp dụng từ ngày 06/04/2026 đến khi có thông báo mới)

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
CO 90°					
	21	Cái	6	2,100	2,268
	21	Cái	15	3,500	3,780
	27	Cái	6	2,800	3,024
	27	Cái	15	5,500	5,940
	34	Cái	6	4,600	4,968
	34	Cái	15	7,800	8,424
	42	Cái	6	6,000	6,480
	42	Cái	12	11,700	12,636
	49	Cái	6	6,100	6,588
	49	Cái	12	18,600	20,088
	60	Cái	6	13,100	14,148
	60	Cái	12	29,600	31,968
	76	Cái	6	20,100	21,708
	76	Cái	12	56,800	61,344
	90	Cái	6	30,800	33,264
	90	Cái	12	73,600	79,488
	110	Cái	6	61,000	65,880
	110	Cái	10	119,000	128,520
	114	Cái	6	64,100	69,228
	114	Cái	10	169,900	183,492
140	Cái	6	121,200	130,896	
140	Cái	10	223,900	241,812	
160	Cái	6	177,400	191,592	
160	Cái	10	438,000	473,040	
168	Cái	6	177,300	191,484	
168	Cái	10	554,000	598,320	
200	Cái	6	386,600	417,528	
200	Cái	10	519,100	560,628	
220	Cái	6	551,400	595,512	
220	Cái	10	957,100	1,033,668	
250	Cái	6	1,512,800	1,633,824	
280	Cái	6	1,726,500	1,864,620	
315	Cái	6	2,422,800	2,616,624	
CO GIẢM					
	27 x 21	Cái	15	3,900	4,212
	34 x 21	Cái	15	5,200	5,616
	34 x 27	Cái	12	6,100	6,588
	42 x 21	Cái	6	8,500	9,180
	42 x 21	Cái	12	9,200	9,936
	42 x 27	Cái	12	8,600	9,288
	42 x 34	Cái	12	9,900	10,692
	49 x 21	Cái	6	9,000	9,720
	49 x 21	Cái	12	9,700	10,476
	49 x 27	Cái	6	9,900	10,692
	49 x 27	Cái	12	10,200	11,016

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
CO REN TRONG					
	21	Cái	15	4,000	4,320
	27	Cái	15	5,500	5,940
	34	Cái	15	9,800	10,584
	42	Cái	12	15,000	16,200
	49	Cái	12	25,300	27,324
	21 x RT 27	Cái	15	5,100	5,508
	27 x RT 21	Cái	15	5,100	5,508
	27 x RT 34	Cái	15	7,800	8,424
	34 x RT 27	Cái	15	13,800	14,904
	CO REN NGOÀI				
	21	Cái	15	5,100	5,508
	27	Cái	15	6,600	7,128
	34	Cái	15	11,500	12,420
	42	Cái	12	22,300	24,084
	49	Cái	12	29,800	32,184
	21 x RN 27	Cái	15	5,800	6,264
	27 x RN 21	Cái	15	6,600	7,128
	27 x RN 34	Cái	15	9,700	10,476
	34 x RN 21	Cái	15	7,000	7,560
	34 x RN 27	Cái	15	8,600	9,288
CO REN TRONG THAU					
	21	Cái	15	16,400	17,712
	27	Cái	15	27,600	29,808
	21 x RTT 27	Cái	15	21,300	23,004
	27 x RTT 21	Cái	15	17,800	19,224
34 x RTT 21	Cái	15	22,400	24,192	
CO REN NGOÀI THAU					
	21	Cái	15	22,500	24,300
	27	Cái	15	37,600	40,608
	27 x RNT 21	Cái	15	30,700	33,156
NỎI GIẢM					
	27 x 21	Cái	6	2,200	2,376
	27 x 21	Cái	15	3,500	3,780
	34 x 21	Cái	6	2,600	2,808
	34 x 21	Cái	15	4,300	4,644
	34 x 27	Cái	6	2,600	2,808
	34 x 27	Cái	15	4,800	5,184
	42 x 21	Cái	6	3,900	4,212
	42 x 21	Cái	15	6,200	6,696
	42 x 27	Cái	6	4,000	4,320
	42 x 27	Cái	15	6,600	7,128
	42 x 34	Cái	6	4,800	5,184
	42 x 34	Cái	15	7,400	7,992
	49 x 21	Cái	6	4,000	4,320
	49 x 21	Cái	15	8,700	9,396

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
CO GIẢM					
	49 x 34	Cái	6	11,500	12,420
	49 x 34	Cái	12	12,300	13,284
	49 x 42	Cái	6	13,500	14,580
	49 x 42	Cái	12	24,000	25,920
	60 x 27	Cái	6	12,900	13,932
	60 x 34	Cái	6	14,300	15,444
	90 x 34	Cái	12	41,700	45,036
	90 x 49	Cái	6	18,600	20,088
	90 x 49	Cái	12	48,100	51,948
	90 x 60	Cái	6	19,100	20,628
	90 x 60	Cái	12	49,700	53,676
	114 x 60	Cái	6	36,300	39,204
	114 x 60	Cái	10	82,600	89,208
	114 x 90	Cái	6	40,600	43,848
114 x 90	Cái	10	92,600	100,008	
NÓI					
	21	Cái	6	2,000	2,160
	21	Cái	15	2,500	2,700
	27	Cái	6	2,300	2,484
	27	Cái	15	3,700	3,996
	34	Cái	6	3,300	3,564
	34	Cái	15	6,100	6,588
	42	Cái	6	4,800	5,184
	42	Cái	15	8,400	9,072
	49	Cái	6	4,900	5,292
	49	Cái	12	12,900	13,932
	60	Cái	6	7,800	8,424
	60	Cái	12	19,900	21,492
	76	Cái	6	9,000	9,720
	76	Cái	12	39,200	42,336
	90	Cái	6	18,200	19,656
	90	Cái	12	43,200	46,656
	110	Cái	6	22,400	24,192
	114	Cái	6	26,500	28,620
	114	Cái	10	85,800	92,664
	140	Cái	10	128,900	139,212
160	Cái	10	165,400	178,632	
168	Cái	6	103,500	111,780	
168	Cái	10	298,400	322,272	
220	Cái	10	722,700	780,516	
NÓI REN TRONG					
	21	Cái	15	2,500	2,700
	27	Cái	15	3,900	4,212
	34	Cái	15	6,100	6,588
	42	Cái	12	8,300	8,964
	49	Cái	12	12,100	13,068
	60	Cái	12	18,900	20,412
	76	Cái	12	32,300	34,884
	90	Cái	12	41,700	45,036

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
NÓI GIẢM					
	49 x 27	Cái	6	4,300	4,644
	49 x 27	Cái	15	9,200	9,936
	49 x 34	Cái	6	4,900	5,292
	49 x 34	Cái	15	10,200	11,016
	49 x 42	Cái	6	5,100	5,508
	49 x 42	Cái	15	10,900	11,772
	60 x 21	Cái	6	5,200	5,616
	60 x 21	Cái	15	13,100	14,148
	60 x 27	Cái	6	5,800	6,264
	60 x 27	Cái	15	13,800	14,904
	60 x 34	Cái	6	6,600	7,128
	60 x 34	Cái	15	15,200	16,416
	60 x 42	Cái	6	4,700	5,076
	60 x 42	Cái	12	15,900	17,172
	60 x 49	Cái	6	4,700	5,076
	60 x 49	Cái	12	16,400	17,712
	76 x 27	Cái	6	9,300	10,044
	76 x 34	Cái	12	23,200	25,056
	76 x 42	Cái	6	9,500	10,260
	76 x 42	Cái	12	26,300	28,404
	76 x 49	Cái	6	9,700	10,476
	76 x 49	Cái	12	30,400	32,832
	76 x 60	Cái	6	10,600	11,448
	76 x 60	Cái	12	34,000	36,720
	90 x 21	Cái	12	30,200	32,616
	90 x 27	Cái	6	13,300	14,364
	90 x 27	Cái	12	32,300	34,884
	90 x 34	Cái	6	14,400	15,552
	90 x 34	Cái	12	32,400	34,992
	90 x 42	Cái	6	14,700	15,876
	90 x 42	Cái	12	32,400	34,992
	90 x 49	Cái	6	15,100	16,308
	90 x 49	Cái	12	32,700	35,316
	90 x 60	Cái	6	15,300	16,524
	90 x 60	Cái	12	33,100	35,748
	90 x 76	Cái	12	40,800	44,064
	110 x 34	Cái	6	27,800	30,024
	110 x 42	Cái	6	27,900	30,132
	110 x 60	Cái	6	28,100	30,348
	110 x 90	Cái	6	29,100	31,428
110 x 90	Cái	10	67,700	73,116	
114 x 34	Cái	6	29,100	31,428	
114 x 34	Cái	10	63,400	68,472	
114 x 42	Cái	6	23,800	25,704	
114 x 42	Cái	10	64,300	69,444	
114 x 49	Cái	6	27,800	30,024	
114 x 49	Cái	10	64,600	69,768	
114 x 60	Cái	6	26,900	29,052	
114 x 60	Cái	10	65,400	70,632	



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.

www.nhuahoasen.vn

cskh.nhuahoasen@hoasengroup.vn



Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
NÓI REN TRONG					
	21 x RT 17	Cái	6	2,300	2,484
	21 x RT 27	Cái	15	3,500	3,780
	27 x RT 21	Cái	15	3,200	3,456
	34 x RT 27	Cái	15	4,800	5,184
NÓI REN NGOÀI					
	21	Cái	15	2,300	2,484
	27	Cái	15	3,500	3,780
	34	Cái	15	6,000	6,480
	42	Cái	12	8,500	9,180
	49	Cái	12	10,400	11,232
	60	Cái	12	15,300	16,524
	76	Cái	12	29,900	32,292
	90	Cái	12	35,000	37,800
	114	Cái	10	67,900	73,332
	21 x RN 27	Cái	15	2,400	2,592
	21 x RN 34	Cái	15	3,900	4,212
	27 x RN 21	Cái	15	2,600	2,808
	27 x RN 34	Cái	15	3,700	3,996
	34 x RN 21	Cái	15	4,700	5,076
	34 x RN 27	Cái	15	4,900	5,292
	TÊ				
	21	Cái	6	2,800	3,024
	21	Cái	15	4,600	4,968
	27	Cái	6	4,800	5,184
	27	Cái	15	7,400	7,992
	34	Cái	6	7,100	7,668
	34	Cái	15	12,100	13,068
	42	Cái	6	9,300	10,044
	42	Cái	15	15,900	17,172
	49	Cái	6	11,000	11,880
	49	Cái	12	23,600	25,488
	60	Cái	6	16,800	18,144
	60	Cái	10	40,400	43,632
	76	Cái	6	27,400	29,592
	76	Cái	10	76,200	82,296
	90	Cái	6	48,900	52,812
	90	Cái	10	101,700	109,836
	110	Cái	6	75,100	81,108
	110	Cái	10	168,100	181,548
	114	Cái	6	87,500	94,500
	114	Cái	10	207,600	224,208
	140	Cái	6	161,700	174,636
	140	Cái	10	352,400	380,592
160	Cái	6	243,200	262,656	
160	Cái	10	608,400	657,072	
168	Cái	6	256,300	276,804	
168	Cái	10	744,700	804,276	
200	Cái	10	921,800	995,544	
220	Cái	10	1,262,000	1,362,960	

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
NÓI GIẢM					
	114 x 76	Cái	6	25,500	27,540
	114 x 76	Cái	10	66,200	71,496
	114 x 90	Cái	6	27,300	29,484
	114 x 90	Cái	10	73,300	79,164
	140 x 90	Cái	6	51,300	55,404
	140 x 90	Cái	10	187,500	202,500
	140 x 110	Cái	10	132,400	142,992
	140 x 114	Cái	6	63,300	68,364
	140 x 114	Cái	10	167,000	180,360
	168 x 90	Cái	10	240,800	260,064
	168 x 114	Cái	6	89,400	96,552
	168 x 114	Cái	10	194,900	210,492
	168 x 140	Cái	10	303,800	328,104
	200 x 110	Cái	10	320,000	345,600
	200 x 160	Cái	10	374,200	404,136
	220 x 168	Cái	10	710,100	766,908
NÓI REN TRONG THAU					
	21	Cái	15	16,200	17,496
	27	Cái	15	21,000	22,680
	21 x RTT 27	Cái	15	11,600	12,528
	27 x RTT 21	Cái	15	10,600	11,448
NÓI REN NGOÀI THAU					
	21	Cái	15	24,700	26,676
	27	Cái	15	27,600	29,808
	21 x RNT 27	Cái	15	18,900	20,412
	27 x RNT 21	Cái	15	16,900	18,252
TÊ CONG					
	60	Cái	6	22,500	24,300
	60	Cái	10	67,000	72,360
	90	Cái	6	58,700	63,396
	90	Cái	10	133,700	144,396
	110	Cái	6	99,100	107,028
	114	Cái	6	106,100	114,588
	114	Cái	10	322,700	348,516
	140	Cái	10	394,100	425,628
	160	Cái	6	269,900	291,492
	168	Cái	10	1,100,000	1,188,000
TÊ CONG GIẢM					
	90 x 60	Cái	6	36,700	39,636
	90 x 60	Cái	10	119,000	128,520
	110 x 90	Cái	6	83,700	90,396
	114 x 60	Cái	6	76,700	82,836
	114 x 60	Cái	10	167,400	180,792
	114 x 90	Cái	6	115,200	124,416
	114 x 90	Cái	10	260,000	280,800
	140 x 90	Cái	10	409,900	442,692
	140 x 114	Cái	6	189,900	205,092
	140 x 114	Cái	10	536,200	579,096
	160 x 110	Cái	10	708,400	765,072



TRỤ SỞ CHÍNH

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0254) 3 923 231 | FAX: (0254) 3 923 230

VĂN PHÒNG BÌNH DƯƠNG

Số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0650) 3790 955 | FAX: (0650) 3790 888

VĂN PHÒNG TP. HCM

183 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: 028 3999 0111 | FAX: (08) 3999 0222



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.

www.nhuahoasen.vn

cskh.nhuahoasen@hoasengroup.vn



Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
TÊ GIÁM					
	27 x 21	Cái	6	3,700	3,996
	27 x 21	Cái	15	5,500	5,940
	34 x 21	Cái	6	4,800	5,184
	34 x 21	Cái	15	8,500	9,180
	34 x 27	Cái	6	5,100	5,508
	34 x 27	Cái	15	9,900	10,692
	42 x 21	Cái	15	12,100	13,068
	42 x 27	Cái	15	12,100	13,068
	42 x 34	Cái	15	13,500	14,580
	49 x 21	Cái	6	8,300	8,964
	49 x 21	Cái	15	15,900	17,172
	49 x 27	Cái	6	8,400	9,072
	49 x 27	Cái	15	17,300	18,684
	49 x 34	Cái	6	8,500	9,180
	49 x 34	Cái	15	19,000	20,520
	49 x 42	Cái	6	11,000	11,880
	49 x 42	Cái	15	21,300	23,004
	60 x 21	Cái	6	12,900	13,932
	60 x 21	Cái	15	25,300	27,324
	60 x 27	Cái	6	14,600	15,768
	60 x 27	Cái	15	28,100	30,348
	60 x 34	Cái	6	16,100	17,388
	60 x 34	Cái	12	26,100	28,188
	60 x 42	Cái	6	17,700	19,116
	60 x 42	Cái	12	29,300	31,644
	60 x 49	Cái	6	18,600	20,088
	60 x 49	Cái	12	33,100	35,748
	76 x 60	Cái	12	73,400	79,272
	90 x 27	Cái	12	62,100	67,068
	90 x 34	Cái	12	62,300	67,284
	90 x 42	Cái	12	73,100	78,948
	90 x 49	Cái	12	73,300	79,164
	90 x 60	Cái	6	31,100	33,588
	90 x 60	Cái	12	74,800	80,784
	110 x 60	Cái	10	212,500	229,500
	110 x 90	Cái	6	53,500	57,780
	110 x 90	Cái	10	131,400	141,912
	114 x 60	Cái	6	43,800	47,304
	114 x 60	Cái	10	137,000	147,960
	114 x 90	Cái	6	68,100	73,548
114 x 90	Cái	10	157,800	170,424	
140 x 110	Cái	6	161,300	174,204	
140 x 110	Cái	10	272,400	294,192	
140 x 114	Cái	10	282,000	304,560	
160 x 110	Cái	10	482,400	520,992	
168 x 90	Cái	10	510,900	551,772	
168 x 114	Cái	6	227,100	245,268	
168 x 114	Cái	10	528,300	570,564	
200 x 110	Cái	10	1,133,400	1,224,072	

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
TÊ CONG GIÁM					
	160 x 140	Cái	6	223,400	241,272
	168 x 60	Cái	10	544,300	587,844
	168 x 90	Cái	6	210,900	227,772
	168 x 90	Cái	10	665,600	718,848
	168 x 114	Cái	6	243,200	262,656
	168 x 114	Cái	10	814,300	879,444
TÊ REN TRONG					
	21	Cái	15	6,100	6,588
	27	Cái	15	7,600	8,208
	34	Cái	15	12,100	13,068
	27 x RT 21	Cái	15	7,800	8,424
TÊ REN NGOÀI					
	21	Cái	15	6,600	7,128
	27	Cái	12	9,700	10,476
	34	Cái	12	14,600	15,768
	27 x RN 21	Cái	12	8,600	9,288
TÊ REN TRONG THAU					
	21	Cái	15	17,800	19,224
	27	Cái	15	19,900	21,492
	34	Cái	15	25,100	27,108
	27 x RTT 21	Cái	15	19,100	20,628
TÊ REN NGOÀI THAU					
	21	Cái	15	22,500	24,300
	27	Cái	12	35,000	37,800
	27 x RNT 21	Cái	12	35,900	38,772
TÊ KIỂM TRA					
	90	Cái	6	56,100	60,588
	114	Cái	6	107,100	115,668
LỢI					
	21	Cái	6	2,200	2,376
	21	Cái	15	3,000	3,240
	27	Cái	6	2,600	2,808
	27	Cái	15	4,600	4,968
	34	Cái	6	3,500	3,780
	34	Cái	15	7,200	7,776
	42	Cái	6	3,800	4,104
	42	Cái	12	10,200	11,016
	49	Cái	6	4,800	5,184
	49	Cái	12	15,500	16,740
	60	Cái	6	11,400	12,312
	60	Cái	12	23,900	25,812
	76	Cái	6	15,300	16,524
	76	Cái	12	48,400	52,272
	90	Cái	6	25,800	27,864
	90	Cái	12	56,500	61,020
110	Cái	6	49,900	53,892	
110	Cái	10	93,300	100,764	



TRỤ SỞ CHÍNH

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0254) 3 923 231 | FAX: (0254) 3 923 230

VĂN PHÒNG BÌNH DƯƠNG

Số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0650) 3790 955 | FAX: (0650) 3790 888

VĂN PHÒNG TP. HCM

183 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: 028 3999 0111 | FAX: (08) 3999 0222



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.

www.nhuahoasen.vn

cskh.nhuahoasen@hoasengroup.vn



Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
TÊ GIẢM					
	200 x 160	Cái	10	1,148,700	1,240,596
	220 x 114	Cái	10	900,200	972,216
	220 x 168	Cái	10	1,372,400	1,482,192
NẮP BÍT					
	21	Cái	6	1,200	1,296
	21	Cái	15	2,100	2,268
	27	Cái	6	2,000	2,160
	27	Cái	15	2,300	2,484
	34	Cái	6	2,200	2,376
	34	Cái	15	4,300	4,644
	42	Cái	6	3,000	3,240
	42	Cái	15	5,500	5,940
	49	Cái	6	3,700	3,996
	49	Cái	12	8,400	9,072
	60	Cái	6	5,200	5,616
	60	Cái	12	14,100	15,228
	90	Cái	6	11,000	11,880
	90	Cái	12	33,100	35,748
	114	Cái	6	21,600	23,328
	114	Cái	10	71,200	76,896
	140	Cái	6	51,900	56,052
168	Cái	6	145,900	157,572	
CHỮ Y					
	21	Cái	6	3,600	3,888
	21	Cái	12	4,600	4,968
	27	Cái	6	5,400	5,832
	27	Cái	12	6,000	6,480
	34	Cái	6	9,700	10,476
	34	Cái	12	13,500	14,580
	42	Cái	6	9,900	10,692
	42	Cái	12	34,200	36,936
	49	Cái	6	14,600	15,768
	49	Cái	12	61,200	66,096
	60	Cái	6	27,500	29,700
	60	Cái	12	66,600	71,928
	76	Cái	6	34,600	37,368
	76	Cái	10	101,300	109,404
	90	Cái	6	64,900	70,092
	90	Cái	10	157,900	170,532
	110	Cái	6	104,400	112,752
	110	Cái	10	240,800	260,064
	114	Cái	6	94,000	101,520
	114	Cái	10	321,100	346,788
	140	Cái	6	327,500	353,700
	140	Cái	10	535,800	578,664
	160	Cái	6	418,500	451,980
	160	Cái	10	708,400	765,072
168	Cái	6	333,000	359,640	
168	Cái	10	762,700	823,716	

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
LỐI					
	114	Cái	6	50,500	54,540
	114	Cái	10	114,900	124,092
	140	Cái	6	93,400	100,872
	140	Cái	10	190,000	205,200
	160	Cái	6	155,400	167,832
	160	Cái	10	239,400	258,552
	168	Cái	6	154,200	166,536
	168	Cái	10	389,400	420,552
	200	Cái	6	396,800	428,544
	200	Cái	10	632,600	683,208
	220	Cái	6	410,900	443,772
	220	Cái	10	703,500	759,780
	250	Cái	6	626,600	676,728
280	Cái	6	1,253,600	1,353,888	
315	Cái	6	1,274,100	1,376,028	
NẮP BÍT REN NGOÀI					
	21	Cái	15	1,400	1,512
	27	Cái	15	2,100	2,268
	34	Cái	15	2,300	2,484
Y GIẢM					
	60 x 42	Cái	12	66,500	71,820
	60 x 49	Cái	12	74,500	80,460
	76 x 60	Cái	6	24,400	26,352
	90 x 49	Cái	10	104,800	113,184
	90 x 60	Cái	6	39,000	42,120
	90 x 60	Cái	10	121,800	131,544
	110 x 60	Cái	10	215,900	233,172
	110 x 90	Cái	6	74,100	80,028
	110 x 90	Cái	10	280,900	303,372
	114 x 60	Cái	6	64,400	69,552
	114 x 60	Cái	10	204,700	221,076
	114 x 90	Cái	6	87,500	94,500
	114 x 90	Cái	10	241,000	260,280
	140 x 60	Cái	10	269,200	290,736
	140 x 90	Cái	6	178,400	192,672
	140 x 90	Cái	10	271,100	292,788
	140 x 110	Cái	6	187,200	202,176
	140 x 110	Cái	10	590,500	637,740
	140 x 114	Cái	6	194,700	210,276
	140 x 114	Cái	10	402,700	434,916
	160 x 110	Cái	10	617,200	666,576
	160 x 140	Cái	10	704,000	760,320
	168 x 90	Cái	6	201,600	217,728
	168 x 90	Cái	10	466,200	503,496
	168 x 114	Cái	6	308,100	332,748
	168 x 114	Cái	10	656,900	709,452
	200 x 160	Cái	6	641,500	692,820
200 x 160	Cái	10	1,552,400	1,676,592	
220 x 168	Cái	10	1,643,400	1,774,872	



TRỤ SỞ CHÍNH

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: [0254] 3 923 231 | FAX: [0254] 3 923 230

VĂN PHÒNG BÌNH DƯƠNG

Số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: [0650] 3790 955 | FAX: [0650] 3790 888

VĂN PHÒNG TP. HCM

183 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: 028 3999 0111 | FAX: [08] 3999 0222



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.

www.nhuahoasen.vn

cskh.nhuahoasen@hoasengroup.vn



Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
CHỮ Y					
	200	Cái	6	882,400	952,992
	200	Cái	10	1,983,500	2,142,180
	220	Cái	10	2,016,300	2,177,604
BÍCH NỐI ĐƠN					
	49	Cái	12	52,200	56,376
	60	Cái	12	63,500	68,580
	90	Cái	12	106,700	115,236
	114	Cái	10	147,400	159,192
VAN					
	21	Cái	12	22,300	24,084
	27	Cái	12	26,100	28,188
	34	Cái	12	44,200	47,736
	42	Cái	12	64,900	70,092
	49	Cái	12	97,300	105,084
	60	Cái	12	120,200	129,816
KEO DÁN					
	10 gram	Tuýp		2,500	2,700
	25 gram	Tuýp		6,000	6,480
	50 gram	Tuýp		10,200	11,016
	200 gram	Lon		48,300	52,164
	500 gram	Lon		87,700	94,716
	1000 gram	Lon		163,900	177,012

Ghi chú:

- Thuế VAT 8%.

- RN/RT: Ren ngoài/Ren trong RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
CON THỎ					
	60	Cái	6	50,900	54,972
	90	Cái	6	79,600	85,968
BÍT XÁ					
	60	Cái	10	25,500	27,540
	90	Cái	10	82,200	88,776
	114	Cái	10	130,600	141,048
	140	Cái	10	236,200	255,096
	168	Cái	10	384,600	415,368
	220	Cái	10	738,200	797,256
KHỚP NỐI SÓNG/ RẮC CO					
	21	Cái	15	11,600	12,528
	27	Cái	15	16,200	17,496
	34	Cái	15	22,900	24,732
	42	Cái	12	28,100	30,348
	49	Cái	12	47,000	50,760
TỬ THÔNG					
	90	Cái	6	72,300	78,084
	114	Cái	10	152,800	165,024

TP. HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2026
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHAN THANH TIẾN



TRỤ SỞ CHÍNH

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0254) 3 923 231 | FAX: (0254) 3 923 230

VĂN PHÒNG BÌNH DƯƠNG

Số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0650) 3790 955 | FAX: (0650) 3790 888

VĂN PHÒNG TP. HCM

183 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: 028 3999 0111 | FAX: (08) 3999 0222



BẢNG GIÁ CÔNG BỐ PHỤ KIỆN PVC-U LUỒN DÂY ĐIỆN

Khu vực áp dụng: Từ tỉnh Quảng Trị trở vào Nam
 (Hiệu lực từ ngày 01/07/2025 đến khi có thông báo mới)

Stt	Tên sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (đồng/đvt)
	NẮP ĐẬY			
1	Nắp hộp chia ngã PVC-U LDĐ	Cái	1,900	2,052
	HỘP CHIA NGÃ			
2	Hộp nối 1 đường thẳng PVC-U LDĐ 20	Cái	7,300	7,884
3	Hộp nối 1 đường thẳng PVC-U LDĐ 25	Cái	8,300	8,964
4	Hộp nối 1 đường PVC-U LDĐ 20 (Có nắp)	Bộ	9,300	10,044
5	Hộp nối 1 đường PVC-U LDĐ 25 (Có nắp)	Bộ	10,200	11,016
6	Hộp nối 2 đường thẳng PVC-U LDĐ 20	Cái	7,300	7,884
7	Hộp nối 2 đường thẳng PVC-U LDĐ 25	Cái	8,300	8,964
8	Hộp nối 2 đường thẳng PVC-U LDĐ 20 (Có nắp)	Bộ	9,300	10,044
9	Hộp nối 2 đường thẳng PVC-U LDĐ 25 (Có nắp)	Bộ	10,200	11,016
10	Hộp nối 2 đường vuông góc PVC-U LDĐ 20	Cái	7,300	7,884
11	Hộp nối 2 đường vuông góc PVC-U LDĐ 25	Cái	8,300	8,964
12	Hộp nối 2 đường vuông góc PVC-U LDĐ 20 (Có nắp)	Bộ	9,300	10,044
13	Hộp nối 2 đường vuông góc PVC-U LDĐ 25 (Có nắp)	Bộ	10,200	11,016
14	Hộp nối 3 đường PVC-U LDĐ 20	Cái	7,300	7,884
15	Hộp nối 3 đường PVC-U LDĐ 25	Cái	8,300	8,964
16	Hộp nối 3 đường PVC-U LDĐ 20 (Có nắp)	Bộ	9,300	10,044
17	Hộp nối 3 đường PVC-U LDĐ 25 (Có nắp)	Bộ	10,200	11,016
18	Hộp nối 4 đường PVC-U LDĐ 20	Cái	8,300	8,964
19	Hộp nối 4 đường PVC-U LDĐ 25	Cái	9,000	9,720
20	Hộp nối 4 đường PVC-U LDĐ 20 (Có nắp)	Bộ	10,300	11,124
21	Hộp nối 4 đường PVC-U LDĐ 25 (Có nắp)	Bộ	10,900	11,772
	KẸP ĐỠ ỚNG			
22	Kẹp đỡ ống PVC-U LDĐ 16	Cái	1,000	1,080
23	Kẹp đỡ ống PVC-U LDĐ 20	Cái	1,400	1,512
24	Kẹp đỡ ống PVC-U LDĐ 25	Cái	2,600	2,808
25	Kẹp đỡ ống PVC-U LDĐ 32	Cái	2,900	3,132
	TÊ			
26	Tê PVC-U LDĐ 16	Cái	2,400	2,592
27	Tê PVC-U LDĐ 20	Cái	4,800	5,184
28	Tê PVC-U LDĐ 25	Cái	6,300	6,804
29	Tê PVC-U LDĐ 20 (Có nắp)	Cái	8,200	8,856
30	Tê PVC-U LDĐ 25 (Có nắp)	Cái	10,500	11,340
31	Tê PVC-U LDĐ 32 (Có nắp)	Cái	13,500	14,580

Stt	Tên sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (đồng/đvt)
	CO			
32	Co (90) PVC-U LDĐ 16	Cái	1,800	1,944
33	Co (90) PVC-U LDĐ 20	Cái	2,900	3,132
34	Co (90) PVC-U LDĐ 25	Cái	4,300	4,644
35	Co (90) PVC-U LDĐ 20 (Có nắp)	Cái	5,800	6,264
36	Co (90) PVC-U LDĐ 25 (Có nắp)	Cái	9,600	10,368
37	Co (90) PVC-U LDĐ 32 (Có nắp)	Cái	14,000	15,120
	HỘP NỐI			
38	Hộp nối dây tự chống cháy PVC-U LDĐ 110mmx110mmx50mm (Có nắp)	Bộ	21,900	23,652
39	Hộp nối dây tự chống cháy PVC-U LDĐ 110mmx110mmx80mm (Có nắp)	Bộ	33,100	35,748
	ĐẾ ÂM			
40	Đế âm tường tự chống cháy PVC-U LDĐ 110mmx60mmx40mm	Cái	9,000	9,720
	NỐI			
41	Nối PVC-U LDĐ 16	Cái	1,100	1,188
42	Nối PVC-U LDĐ 20	Cái	1,200	1,296
43	Nối PVC-U LDĐ 25	Cái	1,900	2,052
44	Nối PVC-U LDĐ 32	Cái	2,900	3,132
45	Nối PVC-U LDĐ 40	Cái	10,600	11,448
	NỐI GIẢM			
46	Nối giảm PVC-U LDĐ 25/20	Cái	3,500	3,780
47	Nối giảm PVC-U LDĐ 32/25	Cái	4,100	4,428
48	Nối giảm PVC-U LDĐ 40/25	Cái	13,200	14,256
	ĐẦU + KHỚP NỐI REN			
49	Khớp nối ren PVC-U LDĐ 20	Cái	2,800	3,024
50	Khớp nối ren PVC-U LDĐ 25	Cái	3,600	3,888
51	Khớp nối ren PVC-U LDĐ 32	Cái	5,900	6,372

* Quy định chung:

- Thuế VAT 8%.






Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 06 năm 2025










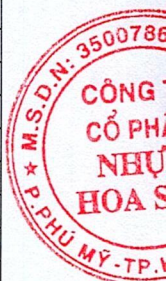
TRƯƠNG TẤN ĐẠT




BẢNG GIÁ CÔNG BỐ PHỤ KIỆN PPR HOA SEN

Khu vực áp dụng: Từ Quảng Trị trở vào Nam
(Hiệu lực từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới)




Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
NÓI (ĐẦU NÓI THẲNG)				
	20	Cái	3,600	3,888
	25	Cái	6,100	6,588
	32	Cái	9,500	10,260
	40	Cái	15,200	16,416
	50	Cái	27,300	29,484
	63	Cái	54,700	59,076
	90	Cái	155,000	167,400
NÓI GIẢM (ĐẦU NÓI CHUYỂN BẠC)				
	25 x 20	Cái	5,700	6,156
	32 x 20	Cái	8,100	8,748
	32 x 25	Cái	8,100	8,748
	40 x 20	Cái	12,500	13,500
	40 x 25	Cái	12,500	13,500
	40 x 32	Cái	12,500	13,500
	50 x 25	Cái	22,500	24,300
	50 x 32	Cái	22,500	24,300
	50 x 40	Cái	22,500	24,300
	63 x 25	Cái	43,500	46,980
	63 x 32	Cái	43,500	46,980
	63 x 40	Cái	43,500	46,980
	63 x 50	Cái	43,500	46,980
CO 45° (NÓI GÓC 45°)				
	20	Cái	5,700	6,156
	25	Cái	9,200	9,936
	32	Cái	13,900	15,012
	40	Cái	27,400	29,592
	50	Cái	52,400	56,592
	63	Cái	119,900	129,492
	90	Cái	219,700	237,276
CO GIẢM				
	25 x 20	Cái	13,000	14,040
	32 x 20	Cái	22,900	24,732
	32 x 25	Cái	24,400	26,352
TÊ (BA CHẠC 90°)				
	20	Cái	8,100	8,748
	25	Cái	12,500	13,500
	32	Cái	20,600	22,248
	40	Cái	32,000	34,560
	50	Cái	63,000	68,040
	63	Cái	158,000	170,640
	75	Cái	237,200	256,176
	90	Cái	368,200	397,656

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
NÓI REN TRONG (ĐẦU NÓI REN TRONG)				
	20x1/2"	Cái	51,600	55,728
	20x3/4"	Cái	71,000	76,680
	25x1/2"	Cái	63,100	68,148
	25x3/4"	Cái	70,400	76,032
	32x1"	Cái	114,800	123,984
NÓI REN NGOÀI (ĐẦU NÓI REN NGOÀI)				
	20x1/2"	Cái	65,200	70,416
	20x3/4"	Cái	97,800	105,624
	25x1/2"	Cái	75,300	81,324
	25x3/4"	Cái	90,900	98,172
	32x1"	Cái	134,400	145,152
	40x1.1/4"	Cái	390,900	422,172
	50x1.1/2"	Cái	488,600	527,688
CO 90° (NÓI GÓC 90°)				
	20	Cái	6,900	7,452
	25	Cái	9,200	9,936
	32	Cái	16,100	17,388
	40	Cái	26,100	28,188
	50	Cái	45,900	49,572
	63	Cái	140,300	151,524
	75	Cái	183,200	197,856
	90	Cái	282,600	305,208
	CO REN TRONG (NÓI GÓC 90° REN TRONG)			
	20x1/2"	Cái	57,400	61,992
	20x3/4"	Cái	85,900	92,772
	25x1/2"	Cái	65,200	70,416
	25x3/4"	Cái	87,800	94,824
CO REN NGOÀI (NÓI GÓC 90° REN NGOÀI)				
	20x1/2"	Cái	80,800	87,264
	20x3/4"	Cái	115,800	125,064
	25x1/2"	Cái	91,300	98,604
	25x3/4"	Cái	107,900	116,532
TÊ REN TRONG (BA CHẠC 90° REN TRONG)				
	20x1/2"	Cái	57,900	62,532
	20x3/4"	Cái	84,500	91,260
	25x1/2"	Cái	61,900	66,852
	25x3/4"	Cái	90,300	97,524
TÊ REN NGOÀI (BA CHẠC 90° REN NGOÀI)				
	20x1/2"	Cái	71,300	77,004
	20x3/4"	Cái	107,400	115,992
	25x1/2"	Cái	77,400	83,592
	25x3/4"	Cái	93,600	101,088



Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
TÊ GIẢM (BA CHẠC 90° CHUYỂN BẠC)				
	25 x 20	Cái	12,500	13,500
	32 x 20	Cái	22,000	23,760
	32 x 25	Cái	22,000	23,760
	40 x 20	Cái	48,400	52,272
	40 x 25	Cái	48,400	52,272
	40 x 32	Cái	48,400	52,272
	50 x 20	Cái	85,000	91,800
	50 x 25	Cái	85,000	91,800
	50 x 32	Cái	85,000	91,800
	63 x 25	Cái	149,300	161,244
	63 x 32	Cái	149,300	161,244
	63 x 40	Cái	149,300	161,244
	63 x 50	Cái	149,300	161,244
RÁC CO NHỰA				
	25	Cái	66,500	71,820
	50	Cái	165,100	178,308
VAN				
	20	Cái	271,400	293,112
	25	Cái	312,200	337,176
	32	Cái	447,900	483,732
	40	Cái	753,900	814,212
	50	Cái	1,175,700	1,269,756
63	Cái	1,811,600	1,956,528	

Ghi chú: Thuế VAT 8%.





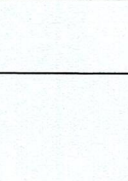
Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
BÍT ĐẦU				
	20	Cái	3,400	3,672
	25	Cái	5,900	6,372
	32	Cái	7,700	8,316
	40	Cái	11,700	12,636
	50	Cái	22,000	23,760
	63	Cái	106,900	115,452
BÍT REN TRONG				
	20x1/2"	Cái	5,300	5,724
RÁC CO REN NGOÀI				
	20x1/2"	Cái	183,500	198,180
	25x3/4"	Cái	286,000	308,880
	32x1"	Cái	449,500	485,460
RÁC CO REN TRONG				
	20x1/2"	Cái	172,000	185,760
	25x3/4"	Cái	275,500	297,540
	32x1"	Cái	403,800	436,104
KHÚC TRÁNH				
	25	Cái	33,300	35,964



TRƯƠNG TẤN ĐẠT




BẢNG GIÁ CÔNG BỐ PHỤ KIỆN PPR CHỐNG TIA CỰC TÍM (UV)

Khu vực áp dụng: Từ Quảng Trị trở vào Nam
(Hiệu lực từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới)

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
NÓI PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	4,400	4,752
	25	Cái	7,400	7,992
	32	Cái	11,500	12,420
	40	Cái	18,300	19,764
	50	Cái	32,800	35,424
	63	Cái	65,600	70,848
NÓI GIẢM PPR CHỐNG TIA UV				
	25 x 20	Cái	6,900	7,452
	32 x 20	Cái	9,800	10,584
	32 x 25	Cái	9,800	10,584
	40 x 20	Cái	15,000	16,200
	40 x 25	Cái	15,000	16,200
	40 x 32	Cái	15,000	16,200
	50 x 25	Cái	27,100	29,268
	50 x 32	Cái	27,100	29,268
	50 x 40	Cái	27,100	29,268
	63 x 25	Cái	52,400	56,592
	63 x 32	Cái	52,400	56,592
	63 x 40	Cái	52,400	56,592
63 x 50	Cái	52,400	56,592	
CO (90) PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	8,300	8,964
	25	Cái	10,900	11,772
	32	Cái	19,200	20,736
	40	Cái	31,400	33,912
	50	Cái	55,000	59,400
	63	Cái	168,400	181,872
TÊ PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	9,800	10,584
	25	Cái	15,000	16,200
	32	Cái	24,800	26,784
	40	Cái	38,400	41,472
	50	Cái	75,600	81,648
	63	Cái	189,500	204,660
TÊ GIẢM PPR CHỐNG TIA UV				
	25 x 20	Cái	15,000	16,200
	32 x 20	Cái	26,400	28,512

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
NÓI REN TRONG PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	61,900	66,852
	25x1/2"	Cái	75,700	81,756
	25x3/4"	Cái	84,500	91,260
	32x1"	Cái	137,500	148,500
NÓI REN NGOÀI PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	78,200	84,456
	25x1/2"	Cái	90,400	97,632
	25x3/4"	Cái	109,100	117,828
	32x1"	Cái	161,300	174,204
40x1.1/4"	Cái	469,100	506,628	
CO (45) PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	6,900	7,452
	25	Cái	10,900	11,772
	32	Cái	16,500	17,820
	40	Cái	33,000	35,640
	50	Cái	62,800	67,824
	63	Cái	143,900	155,412
CO GIẢM (90) PPR CHỐNG TIA UV				
	25 x 20	Cái	11,000	11,880
	32 x 20	Cái	19,400	20,952
	32 x 25	Cái	20,600	22,248
CO REN TRONG PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	69,000	74,520
	25x1/2"	Cái	78,200	84,456
	25x3/4"	Cái	105,300	113,724
CO REN NGOÀI PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	96,900	104,652
	25x1/2"	Cái	109,700	118,476
	25x3/4"	Cái	129,500	139,860
TÊN REN TRONG PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	69,400	74,952
	25x1/2"	Cái	74,300	80,244
	25x3/4"	Cái	108,300	116,964
TÊN REN NGOÀI PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	85,500	92,340
	25x1/2"	Cái	92,700	100,116
	25x3/4"	Cái	112,300	121,284

ST. S. D. N. 350
CÓ
CÓ
N
HO
PHÚ MỸ - 1

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
TÊ GIẢM PPR CHỐNG TIA UV				
	32 x 25	Cái	26,400	28,512
	40 x 20	Cái	58,000	62,640
	40 x 25	Cái	58,000	62,640
	40 x 32	Cái	58,000	62,640
	50 x 20	Cái	101,900	110,052
	50 x 25	Cái	101,900	110,052
	50 x 32	Cái	101,900	110,052
	63 x 25	Cái	179,100	193,428
	63 x 32	Cái	179,100	193,428
63 x 40	Cái	179,100	193,428	
VAN PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	325,700	351,756
	25	Cái	374,500	404,460
	32	Cái	537,400	580,392
	40	Cái	904,700	977,076
	50	Cái	1,410,800	1,523,664
RẮC CO NHỰA				
	25	Cái	79,800	86,184

Ghi chú: Thuế VAT 8%.

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
RẮC CO REN TRONG PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	206,400	222,912
	25x3/4"	Cái	330,500	356,940
	32x1"	Cái	484,500	523,260
RẮC CO REN NGOÀI PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	220,000	237,600
	25x3/4"	Cái	343,300	370,764
	32x1"	Cái	539,300	582,444
BÍT ĐẦU PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	4,200	4,536
	25	Cái	7,200	7,776
	32	Cái	9,300	10,044
	40	Cái	14,100	15,228
	50	Cái	26,400	28,512
	63	Cái	128,300	138,564
KHÚC TRÁNH				
	25	Cái	40,000	43,200



HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026
TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯƠNG TẤN ĐẠT



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN PUWA

Khu vực áp dụng: Toàn quốc

(Hiệu lực từ ngày 11/02/2026 đến khi có thông báo giá mới)

Địa chỉ: Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TÊN SẢN PHẨM	ÁP SUẤT (PN)	GIÁ BÁN (đồng/cái)	
		CHƯA VAT	CÓ VAT
Van tay gạt PPR xanh lá 20 PUWA	10.0	68,700	74,196
Van tay gạt PPR xanh lá 25 PUWA	10.0	71,900	77,652
Van tay gạt PPR xanh dương UV 20 PUWA	10.0	68,700	74,196
Van tay gạt PPR xanh dương UV 25 PUWA	10.0	71,900	77,652
Van hàm ếch PPR xanh lá 20 PUWA	10.0	145,600	157,248
Van hàm ếch PPR xanh lá 25 PUWA	10.0	160,400	173,232
Van hàm ếch PPR xanh dương UV 20 PUWA	10.0	145,600	157,248
Van hàm ếch PPR xanh dương UV 25 PUWA	10.0	160,400	173,232
Nối vặn ren HDPE 25 PN16 PUWA	16.0	22,300	24,084
Bích hàn HDPE 110 PN16 PUWA	16.0	64,300	69,444
Bích hàn HDPE 250 PN16 PUWA	16.0	426,100	460,188
Bích hàn HDPE 315 PN16 PUWA	16.0	661,400	714,312
Kéo cắt ống nhựa 20-63mm PUWA		93,400	100,872
Máy hàn PPR 20-63mm PUWA		583,900	630,612

- Thuế VAT 8%.

- Giá bán trên chưa bao gồm phí vận chuyển.



TRƯƠNG TẤN ĐẠT